

QUYẾT ĐỊNH
Quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
thuộc địa phương quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính
phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản
phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 147/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị
quyết số 61/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân
tỉnh Lâm Đồng về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc địa phương quản
lý năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 38/TTr-SNN ngày 28 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch
vụ công ích thủy lợi thuộc địa phương quản lý.

2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động
thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng gồm: Chủ sở hữu và cơ quan quản lý công
trình thủy lợi; chủ quản lý công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công
trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và các
tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Quy định mức cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Biểu quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

STT	Biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.629
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.140
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.385

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực: mức giá bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực: mức giá bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

d) Trường hợp phải tạo nguồn bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

đ) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá tại Biểu trên.

2. Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày được tính bằng 40% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa.

3. Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính như sau:

STT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá theo các biện pháp công trình	
			Bơm	Hồ, đập, kênh cống
1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoát/năm	250	
3	Cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu, nếu không tính được theo mét khối (m^3) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Quyết định này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/4/2023.
2. Quyết định này được áp dụng để thực hiện quyết toán năm ngân sách 2022 và thay thế Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc địa phương quản lý năm 2021.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc, Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác thủy lợi Lâm Đồng tổ chức thực hiện theo thẩm quyền và theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Giám đốc Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác thủy lợi Lâm Đồng; Giám đốc/Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ NN và PTNT (Vụ Pháp chế);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Trung tâm tích hợp dữ liệu và chuyển đổi số;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TL, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Hiệp